

Bản án số: **20/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 09/6/2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đỉnh

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 6, khu phố 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu bà H và ông Th quyết định chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại khu phố 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ

năm 2014 cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, gây lộn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Th thường hay nhậu nhẹt, chơi bời không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Bà H có khuyên bảo thì ông Th cũng không nghe. Do không thể tiếp tục chung sống nên bà H và ông Th đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Nay bà H cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th .

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông Th có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Hà, sinh ngày 25/02/1998 và Nguyễn Ngọc H , sinh ngày 19/01/2010. Con chung Nguyễn Thị Thu H đã đủ tuổi trưởng thành nên bà H không yêu cầu giải quyết. Bà H yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Ngọc H và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Th mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Th vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Th được.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn ông Nguyễn Văn Th và được Công an thị trấn C, huyện C , tỉnh Bình Phước xác nhận ông Nguyễn Văn Th , sinh năm 1975 có đăng ký thường trú tại Tổ 6, khu phố 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước, trước đây ông Th có sinh sống ở đây nhưng hiện nay ông Th không thường xuyên sinh sống ở đây, đi đâu thì không rõ. Căn cứ các Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Th và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS còn bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,72 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung: Bà H và ông Th chung sống với nhau vào năm 1997 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn và không còn quý trọng,

quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th .

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Ngọc H , sinh ngày 19/01/2010 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu trong suốt quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H , Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Nguyễn Văn Th có nơi cư trú tại khu phố 6, thị trấn C, huyện C , tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Th mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H , Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C , tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[4.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây lộn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Th thường hay nhậu nhẹt, chơi bời không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Bà H có khuyên bảo thì ông Th cũng không nghe. Do không thể tiếp tục sống chung nên bà H và ông Th đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Lời khai này phù hợp với chứng cứ được Tòa án thu thập là biên bản xác minh ngày 18/3/2022.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho bà Hiền, ông Th nhưng ông Th vắng mặt không lý do còn bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định rằng: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.... đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.*

Tuy nhiên, bà H và ông Th đã sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, giữa bà H và ông Th không còn gắn kết về tình cảm vợ chồng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà H cho bà H được ly hôn với ông Thuận.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông Th có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Hà, sinh ngày 25/02/1998 và Nguyễn Ngọc H , sinh ngày 19/01/2010. Con chung Nguyễn Thị Thu H đã đủ tuổi trưởng thành nên bà H không yêu cầu giải quyết. Bà H yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Ngọc H và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, ông Th không có ý kiến phản đối. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Hân là muốn sống với mẹ. Hơn nữa, từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Hân sống với bà H và được bà H chăm sóc tốt. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu Nguyễn Ngọc H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

[4.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con trong khi ông Th không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] Về tài sản chung: Bà H và ông Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4.6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H .

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th .

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc H , sinh ngày 19/01/2010 cho mẹ là bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Ông Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Không xem xét giải quyết do các bên không yêu cầu.

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có

6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011629 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

7. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND TT Chơn Thành-Chơn Thành-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Dương Thị Thúy

CÁC HỘI THẨM

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Đính

Hồ Thị Xuân Thiều

Dương Thị Thúy